

Bản án số: 01/2018 / HNGĐ-ST
Ngày: 05/01/2018
V/v ly hôn.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ THÁI NGUYÊN- TỈNH THÁI NGUYÊN

Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

- *Thẩm phán, chủ tọa phiên tòa:* Bà Nguyễn Thị Thu Hà

- *Các hội thẩm nhân dân:*

1. Ông Trần Trọng Tú

2. Bà Nguyễn Thị Kim Thu

- ***Thư ký Tòa án ghi biên bản phiên tòa:*** Bà Nguyễn Thị Tứ Xuân - Cán bộ Tòa án nhân dân thành phố. TN - tỉnh Thái Nguyên.

- ***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố. TN:*** ông Hoàng Mạnh Thái – kiểm sát viên.

Ngày 05/01/2018 tại Hội trường xét xử Tòa án nhân dân thành phố. TN, tỉnh Thái Nguyên xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hôn nhân gia đình thụ lý số: 738 /2017/ TLST - HNGĐ ngày 02 tháng 11 năm 2017 về việc “ly hôn” theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 86/2017/QĐXXST- DS ngày 19/12/2017 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Chị Phó Thị L, sinh năm 1983

HKTT: Xóm T1, xã SC, TP. TN, tỉnh Thái Nguyên

(Có mặt tại phiên tòa)

- *Bị đơn:* Anh Đào Sỹ H, sinh năm 1977

HKTT: Xóm HL, xã SC, TP. TN, tỉnh Thái Nguyên

(Có đơn xin xét xử vắng mặt)

- *Người giám hộ của bị đơn:*

Ông Đào Sỹ H, sinh năm 1954 (bố đẻ anh H)

HKTT: Xóm HL, xã SC, TP. TN, tỉnh Thái Nguyên

(Trích lục giám hộ số 11 ngày 30/11/2017)

(Có đơn xin xét xử vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo đơn xin ly hôn và các lời khai tại Tòa án nhân dân huyện PL, Tòa án nhân dân thành phố. TN chị Phó Thị L (nguyên đơn) trình bày:

Chị và anh H kết hôn năm 2003 có đăng ký kết hôn tại UBND xã SC, huyện PL (nay là thành phố. TN), tỉnh Thái Nguyên trên cơ sở hoàn toàn tự nguyện có tổ chức cưới hỏi theo nghi thức truyền thống của dân tộc. Anh chị kết hôn theo sự giới thiệu của người hàng xóm, sau khi kết hôn vợ chồng chị sống cùng gia đình nhà chồng. Quá trình chung sống do chồng chị là anh H bị câm điếc bẩm sinh nên không giao tiếp được dẫn đến việc không hiểu nhau, không hạnh phúc. Anh chị sống với nhau đến năm 2006 thì mâu thuẫn gia đình xảy ra. Anh chị vì không hiểu nhau nên cuộc sống căng thẳng không thể hòa giải được. Từ năm 2006 đến nay chị đã sống ly thân, không còn quan tâm đến nhau nữa. Chị xác định không thể tiếp tục chung sống với anh H do không còn tình cảm nên yêu cầu Tòa án giải quyết cho được ly hôn.

Về con chung: Anh chị có 01 con chung tên là Đào Thu T, sinh ngày 17/11/2004. Tại phiên tòa, Chị L có nguyện vọng được nuôi con vì hiện nay ông bà nội đã già, anh H không làm ra kinh tế. Hiện nay chị đang xây nhà trên đất của bố mẹ chị cho; chị có thu nhập đảm bảo việc nuôi con đầy đủ. Chị không yêu cầu anh H cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung, công nợ chung: Chị xác định không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài liệu chứng cứ: Chị L đã giao nộp cho Tòa án các tài liệu chứng cứ: Trích lục kết hôn giữa Chị L, anh H (bản sao); Trích lục khai sinh con chung (bản sao); Đơn xác nhận hộ khẩu (bản chính); Chứng minh nhân dân Chị L (bản công chứng).

Tại các bản khai của ông Đào Sỹ H là người giám hộ cho anh Đào Sỹ H trình bày: Năm 2003 ông xây dựng gia đình cho con trai là Đào Sỹ H và chị Phó Thị L. Năm 2004 Chị L, anh H sinh một con gái là Đào Thu T. Năm 2005, Chị L bỏ nhà đi để lại con cho chồng. Do con trai ông bà bị câm điếc, không có khả năng giao tiếp nên vợ chồng ông đã nuôi cháu từ lúc cháu mới được 17 tháng tuổi cho đến bây giờ. Chị L bỏ nhà đi lao động nước ngoài đến năm 2017 thì về nước và sống ở nhà bố mẹ đẻ. Gia đình ông và cháu T đã nhiều lần khuyên Chị L quay về sống với anh H nhưng Chị L không đồng ý và nhất quyết đòi ly hôn với con trai ông. Cách đây khoảng 2 tháng Tòa án nhân dân huyện PL có đến gia đình ông và gặp con trai ông thông báo là Chị L có đơn đề nghị ly hôn, trong đơn Chị L nói có xô sát với mẹ chồng là không đúng vì Chị L bế con bỏ nhà đi một lần, gia đình ông tìm 5 ngày mới thấy và đưa mẹ con chị về nhưng Chị L nói không ở nhà ông nữa, gia đình ông cố gắng khuyên ngăn Chị L nhưng không được. Chị Lan lại bỏ nhà đi, một tháng sau Chị L quay lại đòi nuôi con, vợ ông sợ chị không đủ điều kiện nuôi con nên đã giữ cháu ở lại. Sau đó Chị L không trở về nhà ông nữa. Thời gian nuôi cháu rất vất vả, hiện nay Chị L đã về nhà ngoại sinh sống, sinh nhật con cũng không nhớ chỉ biết đi kiếm thật nhiều tiền

để lo cho bản thân mà bỏ rơi con ruột mình. Trong đơn đề nghị xét xử vắng mặt ông Hào đồng ý để Chị L và anh H ly hôn.

Về con chung, ông Hào có nguyện vọng để cháu Đào Thu T, sinh ngày 17/11/2004 con gái của Chị L và anh H được sống với bố và ông, bà nội để tiện chăm sóc bố. Ông Hào đề nghị Chị L phải đền bù tuổi thơ cho cháu T và nuôi con từ lúc bỏ nhà đi cho đến khi trưởng thành. Vì sức khỏe ông yếu đi lại khó khăn nên đề nghị Chị L cấp dưỡng nuôi con bằng số tiền một lần để tiện cho việc học hành của cháu T.

Về tài sản chung, công nợ chung: Anh H, Chị L không có tài sản chung, công nợ chung.

Tại bản trình bày nguyện vọng cháu Đào Thu T trình bày: Cháu ở với bố và ông bà nội từ nhỏ, bố cháu không có khả năng lao động, ông bà thì yếu. Cháu có nguyện vọng được ở với bố và ông bà nội để giúp đỡ bố và ông, bà khi bố mẹ ly hôn.

Sau khi thụ lý vụ án, Tòa án nhân dân huyện PL, tỉnh Thái Nguyên đã tiến hành xác minh, lấy lời khai của ông Đào Sỹ H xác định anh Đào Sỹ H là người bị cầm đầu bắt sinh, bị hạn chế về năng lực hành vi, không có khả năng giao tiếp, không nghe thấy và không trả lời được các câu hỏi của Tòa án nên ông Hào đề nghị làm người giám hộ cho anh H. Do thay đổi địa giới hành chính nên vụ án được chuyển đến Tòa án nhân dân thành phố. TN để giải quyết theo thẩm quyền, Tòa án đã yêu cầu gia đình anh H làm các thủ tục giám hộ cho anh H, đồng thời yêu cầu các được sự tự khai, tiến hành hòa giải nhưng ông Hào người giám hộ của anh H có đơn đề nghị không hòa giải, đề nghị xét xử vắng mặt. Vì vậy vụ án phải được đưa ra xét xử ngày hôm nay.

Trong phần tranh tụng, Chị L giữ nguyên quan điểm khởi kiện là đề nghị được ly hôn với anh H. Về con chung: Chị xin được nuôi cháu Đào Thu T, sinh ngày 17/11/2004 và không yêu cầu anh H cấp dưỡng.

Kiểm sát viên phát biểu về việc giải quyết vụ án: Căn cứ vào Điều 21; Điều 262 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015: Thẩm phán đã chấp hành đúng quy định về thẩm quyền của mình theo Điều 48 Bộ luật tố tụng dân sự; Tuân thủ đúng quy định về trình tự, tố tụng tại phiên tòa. Hội đồng xét xử đã chấp hành đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Các đương sự trong vụ án đã được đảm bảo quyền và nghĩa vụ. Nguyên đơn đã chấp hành đầy đủ quyền và nghĩa vụ. Bị đơn tự ý bỏ về trong quá trình xét xử.

Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị Phó Thị L, cho Chị L được ly hôn với anh Đào Sỹ H. Về con chung là cháu Đào Thu T, sinh ngày 17/11/2004 cho anh H trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục; Chị L có trách nhiệm cấp dưỡng nuôi con theo quy định, Chị L được quyền đi lại thăm nom con chung. Tài sản chung, công nợ chung không giải quyết trong vụ án này do các bên không có yêu cầu.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên toà hội đồng xét xử nhận định:

Về tố tụng: Nguyên đơn chị Phó Thị L và bị đơn anh Đào Sỹ H đều đang cư trú tại xã SC, TP. TN, tỉnh Thái Nguyên. Căn cứ Điều 28; Điều 35, Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố. TN là đúng quy định. Các tài liệu chứng cứ các bên nộp cho tòa án đều đảm bảo theo quy định của bộ luật tố tụng. Tại phiên tòa hôm nay, người giám hộ của bị đơn ông Hào có đơn xin xét xử vắng mặt ông và bị đơn, Hội đồng xét xử căn cứ Khoản 1 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự xét xử vắng mặt bị đơn và người giám hộ của bị đơn.

Về hôn nhân: Quan hệ hôn nhân giữa chị Phó Thị L và anh Đào Sỹ H là hợp pháp. Quá trình chung sống do anh H bị câm, điếc bẩm sinh nên hai bên không giao tiếp được. Anh chị sống với nhau đến năm 2006 thì mâu thuẫn gia đình xảy ra nguyên nhân do hai bên không hiểu nhau, dẫn đến cuộc sống gia đình không hạnh phúc. Từ đó hai bên đã sống ly thân, mỗi người một nơi, không còn quan tâm đến nhau nữa. Xét thấy tình trạng hôn nhân giữa Chị L và anh H là mâu thuẫn trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Hội đồng xét xử thấy có căn cứ chấp nhận yêu cầu của Chị L, cho Chị L được ly hôn với anh H là phù hợp với thực tế và quy định của pháp luật tại Điều 56 luật hôn nhân gia đình.

Về con chung: Xét yêu cầu của Chị L và ông Hào (giám hộ cho anh H) về việc muốn được nuôi dưỡng cháu Đào Thu T thấy rằng: Anh H là người bị câm, điếc bẩm sinh, hạn chế về khả năng giao tiếp, khả năng lao động nên không thể đảm bảo việc nuôi dưỡng, chăm sóc cho cháu T. Bố, mẹ đẻ của anh H hiện đã già yếu. Trong đơn của cháu T trình bày: hiện nay bố cháu không có khả năng lao động, ông bà thì già yếu... nguyện vọng cháu muốn ở với bố là để giúp bố và ông bà nội. Cháu T là người chưa thành niên, nếu bố cháu không có khả năng lao động để nuôi cháu thì nghĩa vụ nuôi dưỡng, chăm sóc cháu thuộc về Chị L. Chị L có nơi ở ổn định, có thu nhập nên có đủ điều kiện nuôi dưỡng con chung. Ông bà nội của cháu T đã già yếu, không có nghĩa vụ phải nuôi dưỡng cháu T vì cháu vẫn còn mẹ. Đối với cháu T còn nhỏ nên chưa có nghĩa vụ giúp bố và ông bà mưu sinh trong cuộc sống. Sau này cháu trưởng thành (đủ 18 tuổi), muốn ở với ai là quyền của cháu. Do đó, Hội đồng xét xử bác yêu cầu xin nuôi dưỡng cháu T của ông Đào Sỹ H. Chấp nhận yêu cầu của Chị L, giao cháu Đào Thu T, sinh ngày 17/11/2004 cho Chị L nuôi dưỡng, giáo dục đến khi cháu đủ 18 tuổi hoặc có sự thay đổi khác. Anh H có quyền đi lại thăm nom con chung.

Việc cấp dưỡng nuôi con chung Tòa án không giải quyết vì Chị L không yêu cầu.

Về tài sản chung, công nợ chung: Tòa án không giải quyết do hai bên không có yêu cầu.

Xét ý kiến đề nghị của đại diện Viện kiểm sát về nội dung vụ án là có căn cứ để chấp nhận đối với phần quan hệ hôn nhân, tài sản chung, án phí. Riêng phần con chung đề nghị của Viện kiểm sát chưa xem xét một cách toàn diện đến sự phát triển của cháu T nên không có căn cứ chấp nhận.

Về án phí: Chị Phó Thị L phải nộp án phí ly hôn sơ thẩm vào ngân sách nhà nước.

Các đương sự được quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên:

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ các Điều 28; Điều 35, Điều 39; Điều 147; Khoản 1 Điều 227 BLTTDS năm 2015. Áp dụng Điều 56; Điều 81, 82, 83 Luật hôn nhân gia đình năm 2014; Luật phí và lệ phí năm 2016; Nghị quyết số 326 /2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu án phí và lệ phí Tòa án,

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị Phó Thị L. Cho chị Phó Thị L được ly hôn với anh Đào Sỹ H.

2. Về con chung: Giao cháu Đào Thu T, sinh ngày 17/11/2004 cho Chị L trực tiếp nuôi dưỡng cho đến khi cháu đủ 18 tuổi hoặc có sự thay đổi khác. Anh H được quyền đi lại thăm nom, chăm sóc giáo dục con chung.

Việc cấp dưỡng nuôi con chung Tòa án không giải quyết vì Chị L không có yêu cầu.

3. Về tài sản chung, công nợ chung: Tòa án không giải quyết.

4. Án phí: Chị Phó Thị L phải nộp 300.000đ (Ba trăm ngàn đồng) tiền án phí dân sự sơ thẩm sung quỹ nhà nước được khấu trừ vào tiền tạm ứng án phí sang theo biên lai thu số 00017144 ngày 15/9/2017 của Chi cục thi hành án dân sự huyện PL, tỉnh Thái Nguyên.

Nguyên đơn có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị đơn, người giám hộ cho bị đơn có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày bản án được niêm yết.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Thái Nguyên;
- VKSND TP. TN ;
- Chi cục THADS TP. TN;
- UBND nơi ND, BD cư trú;
- Các DS;
- Lưu.

**T/M. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Thị Thu Hà